

UNIT 10:**SPACE TRAVEL****GETTING STARTED****I/ NEW WORDS:**

- mission	(n) : chuyến đi, nhiệm vụ
- astronaut	(n) : phi hành gia
- spacewalk	(n) : chuyến đi bộ trong ko gian
- universe	(n) : vũ trụ
- satellite	(n) : vệ tinh
- rocket	(n) : tên lửa
- stuff	(n) : chất liệu, vật, thứ
- astronomy	(n) : thiên văn học
- meteorite	(n) : thiên thạch
- impressive	(adj) : gây ấn tượng sâu sắc
- habitable	(adj) : có đủ điều kiện cho sự sống
- scuba diving	(n) : môn lặn có bình dưỡng khí
- microgravity	(n) : tình trạng ko trọng lực
- parabolic flight	(n) : c.bay tạo m.trường ko trọng lực
- altitude	(n) : độ cao (so với mặt biển)
- sharply	(adv) : đột ngột
- descend	(v) : sa xuống
- rollercoaster	(n) : đ.đường rất dốc & ngoặt gấp
- weightlessness	(n) : phi trọng lực
- telescope	(n) : kính thiên văn

--	--